

UBND XÃ NÚA NGAM
ĐOÀN KIỂM TRA PCGD-XMC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Núa Ngam, ngày 31 tháng 10 năm 2025.

BIÊN BẢN

Tự kiểm tra kết quả phổ cập giáo dục-xóa mù chữ năm 2025.

ĐƠN VỊ: XÃ NÚA NGAM

Thực hiện Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND xã về việc thành lập đoàn tự kiểm tra kết quả PCGD-XMC năm 2025;

I. Thời gian kiểm tra: Từ ngày 29/10/2025 đến ngày 31/10/2025.

II. Địa điểm kiểm tra: Tại UBND xã và các thôn bản

III. Thành phần

Gồm các thành viên theo Quyết định số 244/QĐ-UBND ngày 21/10/2025 của UBND xã.

IV. Kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Theo báo cáo và kết quả kiểm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế công tác PCGD-XMC tại các đơn vị.

1. Hồ sơ phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

- Tập văn bản chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục của các cấp.
- Báo cáo quá trình thực hiện và kết quả PCGD-XMC và các biểu thống kê các cấp học theo quy định.
- Phiếu điều tra; các sổ theo dõi PCGD-XMC.
- Các danh sách trẻ hoàn thành chương trình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, tốt nghiệp THPT; danh sách đối tượng đang học chương trình GDPT, GDTX cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp; danh sách đối tượng có chứng chỉ nghề.
- Sổ đăng bộ; sổ theo dõi biến động; sổ theo dõi trẻ khuyết tật; sổ ghi chép tổng hợp (nghị quyết) của Ban chỉ đạo.
- Kết quả đánh giá xếp loại giáo viên theo Chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

2. Tiêu chuẩn: Theo quy định tại Nghị định số 20/2014/NĐ-CP (có các biểu thống kê số liệu chi tiết kèm theo)

a) Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em năm tuổi

- Số trẻ em 5 tuổi đi học: 214/214 trẻ, tỉ lệ 100%.
- Số trẻ em 5 tuổi được đánh giá hoàn thành chương trình giáo dục mầm non: 243/243 trẻ, tỉ lệ 100%. (có 01 trẻ khuyết tật)

- Số trẻ 0-5 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 0/0 trẻ, tỉ lệ 0%.

- Xã duy trì đạt chuẩn PCGDMNTNT.

b) Phổ cập giáo dục tiểu học

- Số trẻ em 6 tuổi vào lớp 1: 243/243, tỉ lệ 100%.

- Số trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học: 246/253, tỉ lệ 97,23%; trẻ em 11 tuổi còn lại đang học các lớp tiểu học: 07 trẻ

- Số trẻ khuyết tật 6-10 tuổi có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 13/13, tỉ lệ 100%.

- Xã duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ 3.

c) Phổ cập giáo dục trung học cơ sở

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 tốt nghiệp THCS: 727/806, tỉ lệ 90,2%.

- Số thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi 15 đến 18 đang học chương trình GDPT hoặc GDTX cấp THPT hoặc giáo dục nghề nghiệp: 607/806, tỉ lệ 75,3%.

- Số thanh niên, thiếu niên 11-15 tuổi khuyết tật có khả năng học tập được tiếp cận giáo dục: 6/6, tỉ lệ 100 %.

- Xã duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3.

d) Xóa mù chữ

- Tổng số có 1 lớp với 21 học viên học xóa mù chữ giai đoạn 2 năm 2025 (xóa mù chữ mức độ 2)

- Số người trong độ tuổi 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 4181/4185 người đạt tỉ lệ 99,90%. Xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, số người trong độ tuổi từ 15 đến 25 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 1: 2168/2168 người đạt tỉ lệ 100%.

- Số người trong độ tuổi 15 đến 60 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 6883/7560 người đạt tỉ lệ 91,04%. Xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, số người trong độ tuổi từ 15 đến 35 được công nhận đạt chuẩn biết chữ mức độ 2: 4151/4185 người đạt tỉ lệ 99,18%.

- Xã duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

3. Điều kiện bảo đảm: Theo quy định tại Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT (có các biểu thống kê số liệu kèm theo)

a) Người tham gia dạy học, theo dõi phổ cập giáo dục, xóa mù chữ

Cấp học	Tổng số giáo viên	Đạt chuẩn đào tạo trở lên		Đạt trên chuẩn đào tạo		Đạt yêu cầu chuẩn nghề nghiệp giáo viên		Tỉ lệ GV/lớp
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	
Mầm non	31	1	3,2	30	96,8	31	100	1,48

(mẫu giáo 5 tuổi)								
Tiểu học	80	80	100	0	0	79	100	1,5
THCS	22	22	100	0	0	21	100	1,9

(Cấp tiểu học, THCS có 01 giáo viên hợp đồng nên không đánh giá chuẩn nghề nghiệp)

b) Về cơ sở vật chất

- Giáo dục mầm non: Lớp mẫu giáo 5 tuổi có 21 phòng học (phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ), tỉ lệ 01 phòng học/lớp (trong đó: 18 phòng kiên cố, tỉ lệ 85,7%; 03 bán kiên cố, tỉ lệ 14,3%). Diện tích bình quân phòng sinh hoạt chung đối với phòng kiên cố là 40m²/phòng, phòng bán kiên cố là 39m²/phòng. 21/21 phòng đảm bảo điều kiện về ánh sáng, ẩm áp về mùa đông và thoáng mát về mùa hè. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ có lớp 5 tuổi) có sân chơi xanh, sạch, đẹp: 21/21 điểm trường. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ có lớp 5 tuổi) có đủ nước sạch sử dụng và hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh, an toàn: 21/21 điểm trường. Số điểm trường (trung tâm và điểm trường lẻ có lớp 5 tuổi) có đủ công trình vệ sinh, đảm bảo sử dụng thuận tiện và đảm bảo vệ sinh: 21/21 điểm trường.

- Giáo dục tiểu học: Có 53 phòng học, tỉ lệ 01 phòng học/lớp. Trong đó: 38 phòng học kiên cố, tỉ lệ 71,7%, 15 phòng học bán kiên cố, tỉ lệ 28,3%; 0 phòng học tạm, tỉ lệ 0%. Có 10 phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng/04 trường; có 04 văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên/04 trường; có 04 phòng y tế/04 trường; có 04 phòng truyền thống và hoạt động Đội/04 trường; có 04 thư viện/04 trường, có 04 phòng thí nghiệm/04 trường.

- Giáo dục THCS: 12 phòng học, tỉ lệ 01 phòng học/lớp. Trong đó: 12 phòng học kiên cố, tỉ lệ 100%, 0 phòng học bán kiên cố, tỉ lệ 0%; 0 phòng học tạm, tỉ lệ 0%. Có 03 phòng làm việc của hiệu trưởng, phó hiệu trưởng/01 trường; có 01 phòng văn phòng, phòng họp cho giáo viên và nhân viên/01 trường; có 01 phòng y tế/01 trường; có 01 thư viện/01 trường, có 07 phòng bộ môn/01 trường.

c) Về thiết bị, đồ dùng, đồ chơi

- Giáo dục mầm non: Số lớp 5 tuổi có đủ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu theo quy định 21/21 lớp. Tổng số sân chơi có đồ chơi được sử dụng thường xuyên: 21/21 sân. 04/04 trường có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, nhà bếp, công trình vệ sinh đủ và đạt yêu cầu. Số sân chơi có từ 5 đồ chơi ngoài trời trở lên: 21 sân.

- Giáo dục tiểu học: 04/04 trường có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, tỉ lệ 100%. 04/04 trường có sân chơi, bãi tập an toàn với diện tích phù hợp, được sử dụng thường xuyên, an toàn; môi trường xanh, sạch, đẹp; an toàn; có nguồn nước sạch; có hệ thống thoát nước; có khu vệ sinh dành riêng cho nam, nữ, học sinh, giáo viên, đảm bảo sạch sẽ, sử dụng thuận tiện.

- Giáo dục THCS: 01/01 trường đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định, tỉ lệ 100%. 01/01 trường có đủ sân chơi bãi tập với diện tích phù hợp, được sử dụng

thường xuyên, an toàn, môi trường xanh, sạch, đẹp, có nguồn nước sạch, hệ thống thoát nước, có công trình vệ sinh sử dụng thuận tiện, đảm bảo vệ sinh.

d) Trường đạt chuẩn chuẩn quốc gia: 07/09 trường, tỉ lệ 77,77%. Trong đó: 03/04 trường mầm non, tỉ lệ 75,0%; 03/04 trường tiểu học, tỉ lệ 75,0%; 01/01 trường THCS, tỉ lệ 100%;

V. Đánh giá chung

1. Tình hình chung về công tác PCGD-XMC

1.1. Về công tác chỉ đạo, quản lí, thực hiện PCGD-XMC.

Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ luôn được Đảng ủy, HĐND, UBND xã quan tâm chỉ đạo sát sao, các ban ngành, tổ chức chính trị xã hội địa phương quan tâm phối hợp tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ xã đã xây dựng kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ năm 2025 chi tiết, cụ thể để duy trì nâng cao các tiêu chí duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của địa phương.

Các đơn vị trường học đóng trên địa bàn xã Núa Ngam đã chủ động xây dựng kế hoạch phát triển giáo dục. Tích cực tham mưu và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phổ cập giáo dục, xóa mù chữ của xã. Thực hiện tốt việc điều tra, cập nhật dữ liệu phổ cập; công tác lập và hoàn thiện hồ sơ được quan tâm, có đủ chủng loại hồ sơ theo quy định. Tăng cường các hoạt động chuyên môn, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, đổi mới kiểm tra đánh giá; tiến hành khảo sát, phân loại trình độ học sinh để tổ chức dạy học phù hợp với đối tượng.

Hạn chế: Không.

1.2. Về tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm PCGD-XMC.

Xã Núa Ngam đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện phổ cập giáo dục, xóa mù chữ theo quy định.

Hạn chế: Không.

1.3. Về hồ sơ, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận PCGD, XMC.

Có đầy đủ bộ hồ sơ, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định.

Hạn chế: Không.

2. Kết luận

Tại thời điểm tháng 10/2025, xã Núa Ngam duy trì đạt chuẩn PCGD mầm non cho trẻ em năm tuổi; Duy trì đạt chuẩn PCGD tiểu học mức độ: 3; Duy trì đạt chuẩn PCGD THCS mức độ: 3; Duy trì đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ: 2

VI. Đề xuất, kiến nghị

1. Về công tác chỉ đạo, quản lí, thực hiện PCGD-XMC

Tăng cường chỉ đạo công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ trên địa bàn từ khâu điều tra thực tế đến đối khớp dữ liệu thống nhất trong các cấp học và cập nhật dữ liệu lên các phần mềm quản lý phổ cập đúng thời gian quy định.

Tăng cường công tác xã hội hóa, thu hút nhiều nguồn lực hỗ trợ cho giáo dục. Tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.

2. Về tiêu chuẩn, điều kiện bảo đảm PCGD-XMC.

Tăng cường công tác xã hội hóa để hàng năm tu sửa cơ sở vật chất, tôn tạo cảnh quan trường lớp, tạo môi trường học tập thân thiện. Chú trọng công tác bồi dưỡng đội ngũ để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, đảm bảo chuẩn nghề nghiệp giáo viên.

3. Về hồ sơ, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận PCGD-XMC

Rà soát, hoàn thiện bộ hồ sơ theo quy định chuẩn bị cho công tác kiểm tra phổ cập giáo dục - xóa mù chữ cấp xã, cấp tỉnh.

Biên bản được các thành viên tham gia cuộc họp nhất trí thông qua và lập thành 02 bản có giá trị pháp lý như nhau, kết thúc hội 16 giờ ngày 31/10/2025./.

THƯ KÝ



Lương Văn Thân

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA



**PHÓ CHỦ TỊCH UBND
Cao Văn Toàn**